

Số: 1314/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/V CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này mười tám (18) thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, gồm:

- 01 thủ tục hành chính mới;
- 09 thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế;
- 08 thủ tục hành chính bãi bỏ.

(Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính, Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT(VT, PC(3b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, THAY THẾ, BẮI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số. 1314/QĐ-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính)*

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế			
1			
2			
B. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế			
1	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở sản xuất thủy điện mà nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh có/hoặc không có các đơn vị thủy điện hạch toán phụ thuộc.	Thuế	Cục Thuế

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế					
1					
2					
B. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế					
1	B-BTC-040574-TT)	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế
2	(B-BTC-040258-TT)	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế
3	(B-BTC-112522-TT)	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế

4		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế
5		Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với <i>Nhà thầu nước ngoài</i> nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế TNDN, có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế

C. Thủ tục hành chính cấp Chi cục Thuế

1	B-BTC-084283-TT	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế
2	B-BTC-084286-TT	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế
3	B-BTC-084286-TT	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế
4		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế

3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế					
1					
2					
B. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế					
1	B-BTC-075934-TT	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý (trường hợp kê khai theo	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của	Thuế	Cục Thuế

		chi phí thực tế phát sinh).	Bộ Tài chính		
2		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý (trường hợp khai theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu)	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế
3		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) hạch toán phụ thuộc hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn nơi đơn vị đóng trụ sở chính.	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế
4		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở sản xuất thủy điện có các đơn vị thủy điện hạch toán phụ thuộc, trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế
5		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở sản xuất thủy điện không có đơn vị thủy điện hạch toán phụ thuộc, trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế

C. Thủ tục hành chính cấp Chi cục Thuế

1		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý (trường hợp kê khai theo chi phí thực tế phát sinh).	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế
2		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý (trường hợp khai theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu).	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế
3		Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) hạch toán phụ thuộc hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn nơi đơn vị	Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế

		đóng trụ sở chính.			
--	--	--------------------	--	--	--

Chú thích:

⁽¹⁾ Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) của thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế, bãi bỏ.

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Thu Tục Hành Chính

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế

...

B. Thủ tục hành chính cấp Cục thuế

I. Thủ tục hành chính mới:

1. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở sản xuất thủy điện mà nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh có/hoặc không có các đơn vị thủy điện hạch toán phụ thuộc.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở sản xuất thủy điện mà nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh không có/hoặc có các đơn vị thủy điện hạch toán phụ thuộc, lập hồ sơ khai quyết toán và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất ngày thứ chín mươi kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

+Bước 3. Đồng thời sao gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN cho các Cục Thuế địa phương nơi được hưởng nguồn thu thuế TNDN.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

+ Bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương mẫu số 02-1/TĐ-TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

+ Phụ lục tính nộp thuế TNDN của doanh nghiệp có các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (đối với trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện mà nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh có các đơn vị thủy điện hạch toán phụ thuộc).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thủy điện.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.
- **Lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- + Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- + Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;
- + Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.
- + Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Mẫu biểu kèm theo.**



TK 03-TNDN QT thuế
TNDNP.xls



PL 02-1-TD-TNDN
thuy dien.doc



PL03-8-TNDN của DN
co cssx hạch toán phi

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế

1. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế.

Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản ở cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thì kê khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế). Trường hợp doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh, thành phố này nhưng có hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh, thành phố khác thì nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế do Cục trưởng Cục Thuế nơi phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản quyết định.

+) Doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo từng lần phát sinh chuyển nhượng bất động sản. Kết thúc năm tính thuế khi lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại trụ sở chính, trong đó phải quyết toán riêng số thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

+) Đối với doanh nghiệp phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản thực hiện *nộp* thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý theo quy định. Doanh nghiệp phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản là doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản.

Kết thúc năm tính thuế, doanh nghiệp làm thủ tục quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý hoặc theo từng lần phát sinh.

- Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ Điều 16, Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.

+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Mẫu biểu kèm theo



TK 02-TNDN thuế
TNDN BDS.xls

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

2. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với trường hợp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm; chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm), kể từ ngày có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động đối với trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động.

Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC;

- Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động;

- Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

- Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Các Phụ lục về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

+ Mẫu số 03-3A/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Mẫu số 03-3B/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (đầu tư mở rộng) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Mẫu số 03-3C/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo TT 151/2014/TT-BTC.

- Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có các đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính (nếu có) theo mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp có chi phí liên quan đến phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường, ngoài các hồ sơ theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu:

Hồ sơ đối với tài sản, hàng hoá bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Văn bản của doanh nghiệp gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải trình về tài sản, hàng hoá bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn.

- Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hoá bị tổn thất do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hoá tổn thất phải xác định rõ giá trị tài sản, hàng hoá bị tổn thất, nguyên nhân tổn thất, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về những tổn thất; chủng loại, số lượng, giá trị tài sản, hàng hoá có thể thu hồi được (nếu có); bảng kê xuất nhập tồn hàng hoá bị tổn thất có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra sự việc thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là trong thời gian đó có xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

Hồ sơ đối với hàng hoá bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hoá tự nhiên được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Văn bản của doanh nghiệp gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải trình về hàng hoá bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hoá tự nhiên.

- Biên bản kiểm kê giá trị hàng hoá bị hư hỏng do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị hàng hoá hư hỏng phải xác định rõ giá trị hàng hoá bị hư hỏng, nguyên nhân hư hỏng; chủng loại, số lượng, giá trị hàng hoá có thể thu hồi được (nếu có) kèm theo bảng kê xuất nhập tồn hàng hoá bị hư hỏng có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có): Không có**

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

+ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC;

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Các Phụ lục về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

++ Mẫu số 03-3A/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

++ Mẫu số 03-3B/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (đầu tư mở rộng) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

++ Mẫu số 03-3C/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo TT 151/2014/TT-BTC.

+ Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có các đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính (nếu có) theo mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Điều 16, Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

+ *Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- Mẫu Biểu kèm theo

 TK 03-TNDN QT thuế TNDN.xls	 Phu lục 03-1A-TNDN Ket qua HDSXKD.doc	 Phu lục 03-1B-TNDN Ket qua HDSXKD.doc	 Phu lục 03-1C-TNDN Ket qua HDSXKD.xls
 Phu lục 03-2-TNDN chuyen lo.doc	 Phu lục 03-3A. TNDN.doc	 Phu lục 03-3B-TNDN uu dai dau tu mo rong	 Phu lục 03-4-TNDN Thue TNDN thue nop
 PL 03-6_Bao cao trich lap quy KHCN.dc	 PL03-7-GCN Gia chuyen nhuong.doc	 PL03-8-TNDN của DN Phu lục 03.3C-TNDN	 PL 03 - 5-TNDN dv co cssx hach toan phuu dai dv DN sd lao dichuyen nhuong BDs.›

3. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế.

Doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thực hiện kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*, doanh nghiệp không phải khai quyết toán năm.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có):** Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012
- + Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*
- + Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;
- + *Điều 16, Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*
- + *Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- Mẫu biểu kèm theo



To khai 04-TNDN
theo tỉ lệ %.xls

4. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn vào tờ khai quyết toán theo năm.

+ Trường hợp (1) bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế, chậm nhất là ngày thứ 10 (mười), kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Trường hợp (2) Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn thì khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay tổ chức nước ngoài số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hoặc ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày các bên thỏa thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn.

Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

i) Trường hợp (1): hồ sơ gồm: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

ii) Trường hợp (2): hồ sơ gồm:

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Bản chụp hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt các nội dung chủ yếu: Bên chuyển nhượng; bên nhận chuyển nhượng; thời gian chuyển nhượng; nội dung chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ của từng bên; giá trị của hợp đồng; thời hạn, phương thức, đồng tiền thanh toán.

+ Bản chụp quyết định chuẩn y việc chuyển nhượng vốn của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Bản chụp chứng nhận vốn góp;

+ Chứng từ gốc của các khoản chi phí.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết :** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có):**

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC đối với trường hợp (1);

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC đối với trường hợp (2).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ *Điều 16, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

+ *Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- **Mẫu biểu kèm theo**



TK 06-TNDN chuyển nhượng vốn.xls



20. Tờ khai 05-TNDN
đv TN tự chuyển nhượng

5. Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế TNDN, có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Nhà thầu nước ngoài thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế TNDN, có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chuẩn bị hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế gửi đến Cục Thuế nơi Nhà thầu nước ngoài đăng ký thuế hoặc Cục Thuế nơi Bên Việt Nam ký hợp đồng với Nhà thầu nước ngoài đăng ký thuế, khi khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- i) Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- ii) Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp ngay trước năm thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định đã được hợp pháp hoá lãnh sự.
- iii) Bản chụp hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.
- iv) Giấy uỷ quyền trong trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định.

Trường hợp năm trước đó người nộp thuế đã thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định thì các năm tiếp theo chỉ cần gửi các bản chụp hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và nước ngoài mới (nếu có) có xác nhận của người nộp thuế.

Khi khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, người nộp thuế gửi Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hoá lãnh sự của năm tính thuế đó và xác nhận về việc thực hiện hợp đồng của các bên ký kết hợp đồng cùng Tài liệu khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

Trường hợp người nộp thuế không thể cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định, thì cần giải trình cụ thể tại Thông báo mẫu số 01/HTQT nêu trên để cơ quan thuế xem xét, quyết định.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà thầu nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định, Mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

+ Khoản 2.c), Điều 20, Chương II, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ Khoản 2, Điều 16, *Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

- **Mẫu biểu kèm theo:**



15. Mẫu 01-HTQT
Thông báo miễn giảm

C. Thủ tục hành chính cấp Chi Cục thuế

I. Thủ tục hành chính mới:

...

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế:

1. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế.

Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản ở cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thì kê khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế). Trường hợp doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh, thành phố này nhưng có hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh, thành phố khác thì nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế do Cục trưởng Cục Thuế nơi phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản quyết định.

+) Doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo từng lần phát sinh chuyển nhượng bất động sản. Kết thúc năm tính thuế khi lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại trụ sở chính, trong đó phải quyết toán riêng số thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

+) Đối với doanh nghiệp phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản thực hiện *nộp* thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý theo quy định. Doanh nghiệp phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản là doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản.

Kết thúc năm tính thuế, doanh nghiệp làm thủ tục quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý hoặc theo từng lần phát sinh.

- Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- **Cách thức thực hiện:**

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có): Không có**

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ *Điều 16, Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Mẫu biểu kèm theo



TK 02-TNDN thuế
TNDN BDS.xls

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

2. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với trường hợp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm; chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm), kể từ ngày có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động đối với trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động.

Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC;

- Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động;

- Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

- Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Các Phụ lục về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

+ Mẫu số 03-3A/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Mẫu số 03-3B/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (đầu tư mở rộng) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Mẫu số 03-3C/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo TT 151/2014/TT-BTC.

- Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có các đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính (nếu có) theo mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp có chi phí liên quan đến phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường, ngoài các hồ sơ theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu:

Hồ sơ đối với tài sản, hàng hoá bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Văn bản của doanh nghiệp gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải trình về tài sản, hàng hoá bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn.

- Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hoá bị tổn thất do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hoá tổn thất phải xác định rõ giá trị tài sản, hàng hoá bị tổn thất, nguyên nhân tổn thất, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về những tổn thất; chủng loại, số lượng, giá trị tài sản, hàng hoá có thể thu hồi được (nếu có); bảng kê xuất nhập tồn hàng hoá bị tổn thất có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra sự việc thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là trong thời gian đó có xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

Hồ sơ đối với hàng hoá bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hoá tự nhiên được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Văn bản của doanh nghiệp gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải trình về hàng hoá bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hoá tự nhiên.

- Biên bản kiểm kê giá trị hàng hoá bị hư hỏng do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị hàng hoá hư hỏng phải xác định rõ giá trị hàng hoá bị hư hỏng, nguyên nhân hư hỏng; chủng loại, số lượng, giá trị hàng hoá có thể thu hồi được (nếu có) kèm theo bảng kê xuất nhập tồn hàng hoá bị hư hỏng có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có): Không có**

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

+ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu : 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC;

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Các Phụ lục về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

++ Mẫu số 03-3A/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

++ Mẫu số 03-3B/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (đầu tư mở rộng) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

++ Mẫu số 03-3C/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo TT 151/2014/TT-BTC.

+ Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có các đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính (nếu có) theo mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Điều 16, Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

+ *Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- Mẫu Biểu kèm theo



TK 03-TNDN QT thuế
TNDN.xls



Phu lục 03-1A-TNDN
Ket qua HDSXKD.doc



Phu lục 03-1B-TNDN
Ket qua HDSXKD.doc



Phu lục 03-1C-TNDN
Ket qua HDSXKD.xls



Phu lục 03-2-TNDN
chuyen lo.doc



Phu lục
03-3A. TNDN.doc



Phu lục 03-3B-TNDN
uu dai dau tu mo rong



Phu lục 03-4-TNDN
Thuế TNDN thuế nop



PL 03-6_Bao cao
trich lap quy KHCN.dc



PL03-7-GCN Gia
chuyen nhuong.doc



PL03-8-TNDN của DN Phu lục 03.3C-TNDN PL 03 - 5-TNDN dv
co cssx hach toan phieu dai dv DN sd lao dichuyen nhuong BDs.›

3. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế.

Doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thực hiện kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*, doanh nghiệp không phải khai quyết toán năm.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có):** Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu theo *mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC*.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012
- + Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*
- + Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;
- + *Điều 16, Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*
- + *Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- Mẫu biểu kèm theo



To khai 04-TNDN
theo tỉ lệ %.xls

4. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn vào tờ khai quyết toán theo năm.

+ Trường hợp (1) bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế, chậm nhất là ngày thứ 10 (mười), kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Trường hợp (2) Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn thì khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay tổ chức nước ngoài số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hoặc ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày các bên thỏa thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn.

Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Cách thức thực hiện:

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

i) Trường hợp (1): hồ sơ gồm: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

ii) Trường hợp (2): hồ sơ gồm:

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Bản chụp hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt các nội dung chủ yếu: Bên chuyển nhượng; bên nhận chuyển nhượng; thời gian chuyển nhượng; nội dung chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ của từng bên; giá trị của hợp đồng; thời hạn, phương thức, đồng tiền thanh toán.

+ Bản chụp quyết định chuẩn y việc chuyển nhượng vốn của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Bản chụp chứng nhận vốn góp;

+ Chứng từ gốc của các khoản chi phí.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết :** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí (nếu có): Không có**

- **Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có):**

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC đối với trường hợp (1);

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC đối với trường hợp (2);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ *Điều 16, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.*

+ *Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- **Mẫu biểu kèm theo**

(Ban hành kèm theo Thông tư số
151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của
Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

[01] Kỳ tính thuế: q Từng lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu q

[03] BỔ sung lần thứ: q

[04] Tên người nộp thuế.....

[illegible]

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ trụ sở:.....

[07] Quận/huyện:.....[08] tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11]

Email:.....

[12] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[13] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: ngày tháng năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày ... tháng ... năm.... (nếu có).

[16] Tên Đại lý thuế (nếu

có):.....

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[17] Mã số thuế:

[18] Địa

chỉ:.....

[19] Quận/huyện:.....[20] Tỉnh/Thành

phố:.....

[21] Điện thoại:..... [22] Fax:.....[23]

Email:.....

[24] Hợp đồng đại lý: số.....ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[25]	
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[26]	

	<i>Trong đó:</i>		
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[27]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[28]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[29]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[30]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[31]	
2.6	- Chi phí khác (bao gồm cả giá mua của phần vốn chuyển nhượng)	[32]	
3	Thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản ($[33]=[25]-[26]$)	[33]	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển kỳ này	[34]	
5	Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản ($[35]=[33]-[34]$)	[35]	
6	Thuế suất thuế TNDN (%)	[36]	
7	Thuế TNDN phải nộp ($[37]=[35] \times [36]$)	[37]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số: 05/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**
(của tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam
không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp)

[01] Kỳ tính thuế: ☒ Lần đầu phát sinh Ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

Bên chuyển nhượng vốn:

[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng:.....

[05] Địa chỉ trụ sở chính:.....

Bên nhận chuyển nhượng vốn:

[06] Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận vốn chuyển nhượng:.....

[07] Quốc tịch:.....

[08] Địa chỉ trụ sở chính:.....

[09] **Mã số thuế** (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu (đối với cá nhân):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[10] **Tên đại lý thuế (nếu có):**

[11] **Mã số thuế:**

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện: [14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại: [16] Fax: [17] Email:

[18] Hợp đồng đại lý: số.....ngày.....

[19] **Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:**.....

[20] **Mã số thuế:**

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[21] Hợp đồng chuyển nhượng: số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá chuyển nhượng	[22]	
2	Giá mua của phần vốn chuyển nhượng	[23]	
3	Chi phí chuyển nhượng	[24]	
4	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn [25]=[22]-[23]-[24]	[25]	
5	Thuế suất (%)	[26]	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp [27]=[25]x[26]	[27]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

.....,Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

